TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HSST
Ngày 20/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Quang.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Sùng A Cở;
2. Ông Vũ Minh Huấn;

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Cao Hải Lanh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S tham gia phiên toà: Bà Lồ Kim Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai xét xử, công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2024/TLST- HS ngày 19 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị M, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 30/5/1985, tại huyện T, tỉnh Yên Bái ; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay : Tổ 4 phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964 (đã chết) con bà Phạm Thị H, sinh năm 1967; Trú tại: xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái ; Chồng: Hầu Quyết T, sinh năm 1981; bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014. Chồng và con bị cáo trú tại: Tổ 4, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Tiền sự, tiền án: Không. Nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/7/2023 đến ngày 07/02/2024; Áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Hiện đang tại ngoại tại tổ 4 phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai; Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Phương C, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 12/11/1984, tại huyện Y, tỉnh Yên Bái.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 4, phường H, thị xã S, tỉnh Lào Cai;

Nghề nghiệp: Chuyên viên phòng Văn hoá Thông tin thị xã S, tỉnh Lào Cai; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Danh Ng, sinh năm 1958 (đã chết), con bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1961; Trú tại: Thôn Đ, xã P, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Chồng: Nguyễn Văn N, sinh năm 1984 ; Con: bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm

2016. Hiện chồng và con bị cáo cư trú tại: Tổ 4, phường H, thị xã S, tỉnh Lào Cai; Tiền sự, tiền án: Không. Nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/7/2023, tại phường H, thị xã S, tỉnh Lào Cai; Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Uỷ ban nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai. Do ông Tô Ngọc L, chức vụ: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai là người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai là ông Đỗ Văn T, chức vụ: Phó chủ tịch Uỷ ban nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Phòng văn hoá và thông tin thị xã S, tỉnh Lào Cai. Do bà Hoàng Thị V, chức vụ: Trưởng Phòng văn hoá và thông tin thị xã S, tỉnh Lào Cai là người đại diện theo pháp luật. Có mặt.

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974. Có mặt.
- Bà Vàng Thị H, sinh năm 1994. Có Mặt.
- Ông Lê Văn V, sinh năm 1979. Có mặt.
- Ông Nguyễn Duy C, sinh năm1979 (vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Năm 2019, UBND huyện S (nay là thị xã S) ban hành Phương án số 1746/PA-UBND ngày 11/7/2019 về việc tăng cường công tác quản lý và thu phí tham quan danh lam, thắng cảnh đối với các tuyến, điểm du lịch cộng đồng do UBND huyện S quản lý 6 tháng cuối năm 2019 và Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 cho Phòng Văn hóa và Thông tin thị xã S thu phí danh lam thắng cảnh với tổng số tiền là 15.300.000.000 đồng, bà Hoàng Thị V Trưởng phòng Văn hoá và thông tin thị xã S đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-VHTT ngày 06/01/2020 và Thông báo số 04/TB-VHTT ngày 17/01/2020 của Phòng Văn hóa và Thông tin về việc kiện toàn Ban quản lý thu phí tham quan danh lam thắng cảnh S, thông báo phân công nhiệm vụ gồm bà Hoàng Thị V - Trưởng ban có nhiệm vụ phụ trách chung các hoạt động của Ban quản lý, phân công nhiệm vụ cho các thành viên, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ các thành viên; ông Nguyễn Duy C - Phó phòng văn hoá và thông tin thị xã S làm Phó Trưởng ban chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ các thành viên; bà Nguyễn Thị H - kế toán đơn vị là kế toán ấn chỉ vé; bà Nguyễn Phương C - Chuyên viên phòng văn hoá thông tin là thủ kho, quản lý ấn chỉ và Phan Thị N, Nguyễn Hoài N, Nguyễn Ngọc M đều là Chuyên viên phòng văn hoá thông tin thị xã S là thành viên có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động các trạm thu phí. Trong các văn bản nói trên không quy định cụ thể về cơ chế kiểm soát và trình tự quản lý

số tiền thu phí danh lam thắng cảnh. Việc quản lý tiền thu phí danh lam thắng cảnh được bà V phân công như sau: Nguyễn Thị M là nhân viên hợp đồng, được phân công nhiệm vụ nhận các quyển vé tham quan danh lam thắng cảnh từ thủ kho ấn chỉ vé là Nguyễn Phương C, sau đó giao cho Tổ trưởng của các Trạm bán vé trên địa bàn thị xã S và nhận cuống vé. Số tiền bán vé thu được từ các Trạm vé, nộp về Phòng Văn hóa và Thông tin. Ngoài ra, Nguyễn Thị M còn trực tiếp bán vé tham quan của tất cả các tuyến tại đội liên ngành quản lý dịch vụ du lịch thị xã S. Theo lịch phân công vào thứ 2 và thứ 5 hàng tuần, Tổ trưởng của các Trạm bán vé sẽ mang các cuống vé đã bán hết cùng số tiền tương ứng thu được giao lại cho M, M có trách nhiệm mang các cuống vé trên về trụ sở Phòng Văn hóa và Thông tin thị xã S nộp lại cho Nguyễn Phương C để kiểm tra và nhập kho lưu trữ. Thủ tục xuất kho và nhập kho các vé, cuống vé được giao cho Nguyễn Phương C thực hiện. Ngoài ra, mỗi lần giao nhận vé, cuống vé, M và C còn ghi chép lại vào sổ theo dõi. Sau khi nộp lại cuống vé đã bán, Nguyễn Thị M tiến hành đối chiếu số lượng vé đã bán với kế toán ấn chỉ vé là Nguyễn Thị H để nhập số liệu và lập giấy nộp tiền vào tài khoản, tiếp đó, M sẽ trực tiếp mang số tiền thu phí đi nộp vào ngân sách nhà nước tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh S theo giấy nộp tiền đã lập. Dựa trên số liệu này, hàng quý bà Nguyễn Thị H sẽ làm báo cáo tình hình sử dụng biên lai thu phí, lệ phí để báo cáo lãnh đạo và các cơ quan liên quan.

Mặc dù quy định như vậy, nhưng trên thực thế, hoạt động bán vé thăm quan danh lam thắng cảnh trên địa bàn thị xã S diễn ra từ tháng 1/2020 đến hết tháng 5/2020 đều do Nguyễn Thị M trực tiếp quản lý tiền bán vé, sau khi nhận từ các trạm bán vé đến khi nộp vào ngân sách nhà nước tại ngân hàng Agribank chi nhánh S. Trong thời gian này M đã tự ý chiếm đoạt và sử dụng số tiền khoảng 420.000.000 đồng *(bốn trăm hai mươi triệu đồng)* bán vé thăm quan danh thắng cảnh để cho vay và sử dụng vào mục đích cá nhân, trong đó M khai đã sử dụng tiêu sài cá nhân 60.000.000 đồng, cho bà Phạm Thị H (là mẹ đẻ của M) vay 120.000.000 đồng, cho Nguyễn Phương C vay nhiều lần với tổng số tiền 150.000.000 đồng và cho các Tổ trưởng trạm bán vé vay số tiền khoảng 80.000.000 đồng. Ngoài Nguyễn Thị M, những người khác đều không biết về nguồn gốc số tiền nói trên. Từ tháng 6/2020, Phòng văn hoá thông tin thị xã S ban hành và sử dụng các vé miễn giảm do dịch Covid-19, đồng thời yêu cầu thu hồi toàn bộ vé cũ đang sử dụng, nên Nguyễn Thị M buộc phải nộp lại toàn bộ vé, cuống vé và tiền bán vé. Cũng trong thời gian này Nguyễn Thị M được biết sắp tới Phòng văn hoá thông tin thị xã S sẽ bàn giao hoạt động bán vé thăm quan danh lam thắng cảnh cho Ban di tích thị xã S, trong đó chỉ bàn giao công tác, các Trạm vé và con người, còn toàn bộ vé thì kiểm tra số lượng đầu vé rồi tiêu hủy. Nguyễn Thị M đã nảy sinh ý định sửa chữa các quyển vé đã bán thành các quyển vé chưa bán để chiếm đoạt số tiền thu phí tương ứng với các

quyển vé này. Thực hiện ý định của mình, lợi dụng sự thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý vé, ấn chỉ của Nguyễn Phương C, Nguyễn Thị M lấy một số quyển vé mới từ Phòng văn hoá thông tin, tiến hành sửa chữa vé. Nguyễn Thị M dùng các quyển vé mới, dao, kéo, keo sửa chữa các cuống vé mà M cất trong tủ thành các quyển vé chưa bán bằng cách: Thứ nhất, dùng dao, kéo cắt số seri số 1 ở các quyển khác dán vào tờ đầu của quyển vé đã bán tạo thành số đầu tiên của tờ vé đầu quyển vé bán dở nhằm mục đích khi kiểm tra tờ đầu còn nguyên seri, số liên đã bán thì xé bỏ sẽ không phải trả khoản tiền đối với các liên đã bán; Thứ hai, tách một cuống vé ra làm đôi rồi nối với nhau bằng keo 502 tạo thành một quyển vé nguyên vẹn hoặc nối hai cuống vé lại với nhau bằng keo 502, có quyển sử dụng băng dính trong suốt dán các tờ vé của hai cuống vé lại với nhau thành quyển nguyên; Thứ ba, bóc một nửa cuống vé đã bán ghép vào các quyển vé đã bán được nửa bằng keo 502 tạo thành quyền nguyên; Thứ tư, lấy bìa của các quyển cuống vé đã bán hết nhưng chưa nộp tiền vào ngân sách nhà nước sau đó bóc, dán thay thế vào các quyển vé chưa xuất kho (có cùng với mệnh giá và tuyến tham quan với các quyển cần sửa chữa). Sau khi thay thế bìa do mỗi quyển vé có một số thứ tự riêng tương ứng với số sêri trong các tờ vé của quyển vé đó (mỗi quyển vé gồm 100 tờ vé) nên M tiếp tục thực hiện cắt, ghép, dán số sêri. M sẽ cắt một số cần thiết trong dãy số sêri ở ngẫu nhiên một tờ cuống vé trong quyển cuống vé đã bán hết sau đó dán đè lên số sêri cần sửa tại liên 2 trong tờ vé đầu tiên của quyển vé chưa xuất kho đã bị thay bìa tạo thành quyển vé mới sẽ không phải nộp lại số tiền vé đã bán. Đối với số cuống vé sau khi sửa chữa, bóc tách còn thừa lại M đã mang ra vỉa hè đường cách trụ sở đội Liên ngành 27m đốt toàn bộ. Sau khi sửa chữa xong các cuống vé, Nguyễn Thị M mang đến Phòng Văn hóa và Thông tin bàn giao cho Nguyễn Phương C và báo là các quyển vé loại cũ chưa bán được thu hồi lại, C nhận và cho vào kho lưu trữ, do không nộp theo tiền nên không phải đối chiếu với kế toán là bà Nguyễn Thị H. Toàn bộ việc sửa chữa nói trên M thực hiện một mình. Từ ngày 01/9/2020, Phòng văn hoá thông tin thị xã S chuyển nhiệm vụ bán vé thăm quan du lịch cho Ban quản lý di tích thị xã S, tiến hành bàn giao con người và các trạm bán vé. Đối với các vé tham quan danh lam thắng cảnh đã phát hành thì tiến hành kiểm kê và thu hồi để tiêu huỷ theo quy định. Ngày 07/9/2020, bà Nguyễn Thị H thực hiện đối chiếu số liệu trong sổ sách lưu trữ để làm báo cáo tình hình sử dụng biên lai phí, lệ phí quý III/2020 nhưng không nhập được số liệu tại quyển 71 và 72 tuyến ký hiệu LT-18P, nên bà Nguyễn Thị H phối hợp với Nguyễn Phương C tiến hành mở các hòm lưu trữ vé để kiểm tra thực tế, phát hiện quyển 71 (có 10 vé, từ số 7001 đến số 7010), quyển 72 (có 5 vé, từ số 7101 đến số 7105) và một số quyển vé khác có dấu hiệu cắt ghép, sửa chữa nên báo cáo lãnh đạo cơ quan. Ngay sau khi phát hiện vi phạm, Phòng văn hoá thông tin thị xã S tiến hành kiểm tra thì phát hiện trong các hòm lưu

trữ đã bị mất khoảng 50 - 60 quyển vé chưa làm thủ tục xuất kho, nhiều quyển cuống vé đã bán hết bị cắt, ghép, dán, sửa chữa số seri, tổng số tiền thất thoát khoảng 420.000.000 đồng. Bà Hoàng Thị V tiến hành họp cơ quan, yêu cầu các cá nhân liên quan kiểm điểm để xác định trách nhiệm của từng người và báo cáo cấp trên theo quy định. Nguyễn Thị M đã nộp lại số tiền 420.000.000 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra.

Ngày 23/12/2020, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân (UBND) thị xã S ban hành Quyết định số 1913/QĐ-UBND về việc thanh tra đột xuất công tác quản lý ấn chỉ thu phí, quản lý vé tham quan danh lam thắng cảnh đối với đội bán vé, các cá nhân, bộ phận liên quan thuộc phòng Văn hóa và Thông tin thị xã S từ ngày 29/12/2020 đến ngày 22/01/2021. Quá trình thanh tra, Thanh tra thị xã S đã phát hiện sai phạm trong công tác quản lý và thu phí tham quan danh lam thắng cảnh đối với các điểm du lịch cộng đồng trên địa bàn thị xã S. Xác định vụ việc có dấu hiệu tội phạm, Uỷ ban nhân dân thị xã S đã kiến nghị khởi tố và chuyển toàn bộ hồ sơ, tài liệu đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã S để điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ báo cáo tình hình sử dụng biên lai thu phí và lệ phí của phòng Văn hoá và Thông tin thị xã S, xác định số lượng ấn chỉ vé năm 2019 còn tồn chuyển sang năm 2020 để tiếp tục sử dụng là:

- Tuyến L ký hiệu TB16P tồn 6300 vé gồm quyển 29, 30, 37- 40, 44 -100; LB20P in mới 10.000 vé từ quyển 1-100, LC18P tồn 500 vé từ quyển 1-5, LD-18P tồn 500 vé từ quyển 1-5, LB19P tồn 47.700 vé từ quyển 1524-2000;

- Tuyến S ký hiệu TS-16P tồn 1000 vé từ quyển 1-10, AB-18P tồn 500 vé từ quyển 1-5, AA-18P tồn 500 vé từ quyển 1-5, LS19P tồn 7.500 vé từ quyển 26-100, LS-20P in mới 1.000 vé, từ quyển 1-10;

- Tuyến H ký hiệu TH-16P tồn 1.000 vé, từ quyển 1-10, LM-18P tồn 500 vé từ quyển 1-5, LK-18P tồn 500 vé từ quyển 1-5, LH-19P tồn 7.500 vé từ quyển 26-100, LH-20P in mới 1000 vé từ quyển 1-10;

- Tuyến T ký hiệu TT-16P tồn 2000 vé từ quyển 1-20, AC-18P tồn 500 vé từ quyển 1-5, LT-18P tồn 97.900 vé từ quyển 22-1000, AD-18P tồn 500 vé từ quyển 1-5, LT-20P in mới 10.000 vé từ quyển 1-100, LT-17P tồn 1.000 vé từ quyển 991-1000.

Cơ quan CSĐT Công an thị xã S đã phối hợp với Chi cục thuế, Thanh tra và Viện kiểm sát nhân dân thị xã S kiểm kê thực tế số lượng, đối chiếu các loại vé các tuyến tham quan du lịch tại thời điểm phát hiện vi phạm là 197.900 vé, trong đó: Số vé đã sử dụng còn cuống liên 1 là 41.950 vé; số vé mất liên 1 và liên 2 là 1.022 vé; số vé chưa sử dụng còn liên 1 và liên 2 là 154.928 vé. Cụ thể:

- Tuyến L tổng số 65.000 vé, trong đó tổng số vé đã sử dụng còn cuống liên 1 là 29.355 vé; tổng số vé mất liên 1 + liên 2 là 715 vé; Tổng số vé chưa sử dụng còn liên 1 và liên 2 là 34.930 vé.

- Tuyến S tổng số 10.500 vé, trong đó tổng số vé đã sử dụng còn cuống liên 1 là 677 vé; tổng số vé mất liên 1 và liên 2 là 16 vé; Tổng số vé chưa sử dụng còn liên 1 và liên 2 là 9.807 vé.

- Tuyến H tổng số 10.500 vé, trong đó tổng số vé đã sử dụng còn cuống liên 1 là 2.202 vé; tổng số vé mất liên 1 và liên 2 là 13 vé; Tổng số vé chưa sử dụng còn liên 1 và liên 2 là 8.285 vé.

- Tuyến T tổng số 111.900 vé, trong đó tổng số vé đã sử dụng còn cuống liên 1 là 9.716 vé; tổng số vé mất liên 1 và liên 2 là 278 vé; Tổng số vé chưa sử dụng còn liên 1 và liên 2 là 101.906 vé.

Ngoài ra, các cơ quan tố tụng còn tiến hành kiểm kê thực tế số lượng, đối chiếu các loại vé, xác định số đã nộp ngân sách nhà nước, số chưa nộp ngân sách nhà nước và vé mất liên 1; vé mất cả hai liên 1, liên 2 làm căn cứ giám định tư pháp về tài chính.

Ngày 20/7/2021, Cơ quan CSĐT Công an thị xã S yêu cầu Chi Cục thuế thị xã S kiểm tra, phân loại vé thu phí tham quan du lịch trong năm 2020 bị sửa chữa, thay đổi, bị mất và xác định số tiền tương ứng bị chiếm đoạt liên quan đến vụ việc nêu trên xảy ra tại phòng Văn hoá và Thông tin thị xã S. Tại Công văn số 148/CCT-TH ngày 17/9/2021của Chi cục thuế thị xã S về số tồn các loại vé đến ngày 30/6/2020. Tổng số tồn 168.715 vé. Số tiền phí đã nộp ngân sách nhà nước năm 2019 là 15.089.500.000 đồng và năm 2020 là 2.550.670.000 đồng.

Ngày 08/6/2021, Cơ quan CSĐT Công an thị xã S trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai giám định về tài liệu đối với số vé bị cắt dán, sữa chữa gồm:

Tại Bản kết luận giám định số 38/GĐTL ngày 14/06/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận:

"1. 18 (mười tám) Liên 1 và 01 (một) Liên 2 vé thu: Phí tham quan danh lam thắng cảnh S ký hiệu từ A1 đến A18 là vé thật.

2. Số seri trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A18 bị cắt dán, cắt ghép cụ thể:

- Số seri trên mẫu ký hiệu A1 bị cắt dán tại vị trí cuối cùng từ trái sang phải, số "1" ở vị trí này là số được cắt, dán đè lên số nguyên thủy. Xác định số nguyên thủy là "8".

- Số seri trên mẫu ký hiệu A2 bị cắt dán tại vị trí cuối cùng từ trái sang phải, số "1" ở vị trí này là số được cắt, dán đè lên số nguyên thủy. Xác định số nguyên thủy là "9".

- Số seri trên mẫu ký hiệu A3 (bao gồm liên 1 và liên 2) bị cắt dán tại vị trí cuối cùng từ trái sang phải, số "1" ở vị trí này là số được cắt, dán đè lên số nguyên thủy. Xác định số nguyên thủy là "9".

- Số seri trên mẫu ký hiệu A4, A5 bị cắt dán tại vị trí thứ tư từ trái sang phải, các số "7", số "0" ở vị trí này là số được cắt, ghép. Số nguyên thủy bị cắt bỏ không xác định được.

- Số seri trên mẫu ký hiệu A6 đến A13 bị cắt, ghép tại vị trí thứ năm từ trái sang phải, các số "0" ở vị trí này là số được cắt, ghép. Số nguyên thủy bị cắt bỏ không xác định được.

- Số seri trên mẫu ký hiệu A4 đến A18 bị cắt ghéo tại vị trí thứ năm từ trái sang phải, các số "1" ở vị trí này là số được cắt, ghép. Số nguyên thủy bị cắt bỏ không xác định được" (*Bút lục 175-176A*).

Ngày 28/6/2021, Cơ quan CSĐT Công an thị xã S đã trưng cầu phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai giám định về tài liệu đối với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị M trong các sổ sách theo dõi xuất vé, thu cuống vé gồm:

- Quyển sổ theo dõi phiếu xuất kho vé các tuyến du lịch cộng đồng của Đội liên ngành năm 2019 được ký hiệu A1 đến A46;

- Sổ theo dõi phiếu xuất kho vé các tuyến du lịch cộng đồng năm 2020 ký hiệu A47 đến A65;

- Sổ theo dõi thu cuống vé điểm du lịch S - L - T mệnh giá 30.000 đồng ký hiệu A66, A67;

- Sổ theo dõi xuất vé tuyến S - Sín Chải năm 2020 ký hiệu A68;

- Sổ theo dõi thu cuống vé điểm du lịch S - Sín Chải mệnh giá 30.000 đồng ký hiệu A69, A70;

- Sổ theo dõi thu cuống vé điểm du lịch S - T mệnh giá 30.000 đồng ký hiệu A71, A72;

- Sổ theo dõi xuất vé tuyến S – T mệnh giá 40.000 đồng ký hiệu A73;

- Sổ theo dõi xuất vé tuyến S - L - T ký hiệu A74, A75.

Tại Bản kết luận giám định số 42/KLGĐ ngày 08/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết luận:

"*1. Chữ ký mang Nguyễn Thị M dưới mục "Người nhận" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A65 (trừ mẫu A6 và A11 chữ ký mang tên người khác nên không tiến hành giám định):*

1.1. Chữ ký mang Nguyễn Thị M dưới mục "Người nhận" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5, từ A7 đến A10; từ A12 đến A31; từ A33 đến A46; A48; A61; A65 với chữ ký của Nguyễn Thị M trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký ra.

1.2. Chữ ký mang Nguyễn Thị M dưới mục "Người nhận" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A32; A47; từ A49 đến A60; từ A62 đến A64 với chữ ký của Nguyễn Thị M trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 không phải từ một người ký ra.

2. Chữ ký "M" tại mục "Ký nhận" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A66 đến A75:

2.1. Chữ ký "M" tại mục "Ký nhận" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A66; A71; A75 với chữ ký của Nguyễn Thị M trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký ra.

2.2. Chữ ký "M" tại mục "Ký nhận" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A67; A70; từ A72 đến A74 với chữ ký của Nguyễn Thị M trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 không phải do cùng một người ký ra." (*Bút lục 167-168A*).

Ngày 14/10/2021, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Sa Pa trưng cầu sở Tài chính tỉnh Lào Cai giám định về tài chính, kế toán để xác định số tiền thu nộp ngân sách bị thiệt hại, thất thoát trong năm 2020 do phòng Văn hoá và Thông tin thị xã S thực hiện hoạt động bán vé thu phí các tuyến tham quan du lịch trên địa bàn thị xã S theo Thông tư số 01 ngày 25/12/2017. Tuy nhiên, Sở Tài chính tỉnh Lào Cai có nhiều văn bản thể hiện hồ sơ giám định chưa đủ căn cứ để tiến hành giám định như yêu cầu của cơ quan trưng cầu. Sau quá trình thu thập tài liệu để hoàn thiện hồ sơ giám định, ngày 16/3/2023, Cơ quan CSĐT Công an thị xã S tiếp tục trưng cầu sở Tài chính tỉnh Lào Cai giám định về tài chính, kế toán để xác định số tiền thu nộp ngân sách bị thiệt hại, thất thoát trong năm 2020 do phòng Văn hoá và Thông tin thị xã S thực hiện hoạt động bán vé thu phí các tuyến tham quan du lịch trên địa bàn thị xã S. Tại bản kết luận giám định tư pháp về tài chính số 73/KL-GĐTP ngày 05/5/2023 của sở Tài chính tỉnh Lào Cai xác định số tiền thu phí chưa nộp ngân sách nhà nước đến thời điểm ngày 31/8/2020 là 376.785.000 đồng (*Bút lục 187-191*).

Ngày 18/9/2023, Cơ quan điều tra tiếp tục trưng cầu sở Tài chính tỉnh Lào Cai giám định bổ sung về tài chính, kế toán. Tại bản kết luận giám định tư pháp về tài chính số 199/KL-GĐTP ngày 05/10/2023 của sở Tài chính tỉnh Lào Cai xác định số tiền thu phí chưa nộp ngân sách nhà nước đến thời điểm ngày 31/8/2020 là 398.620.000 đồng. (*Bút lục 211-218*).

Căn cứ 02 bản kết luận giám định về tài chính, số tiền thu phí chưa nộp vào ngân sách nhà nước là 398.620.000 đồng bao gồm: Số tiền thu được đối với số vé mất liên 1 chưa xác định được nguyên nhân là 22 vé = 935.000 đồng, số tiền tương ứng với số vé mất liên 1 đã xác định do Nguyễn Thị M đã chiếm đoạt là 356.005.000 đồng, số tiền tương ứng với số vé mất cả 2 liên xác định được do Nguyễn Thị M chiếm đoạt là 42.280.000 đồng, số tiền Nguyễn Thị M nộp dư do làm giả quyển 71, 72 tuyến Sa Pa - Tả Phìn - Sa Pa (LT-18P) là 600.000 đồng. Mặt khác, đối với số vé chưa làm rõ được nguyên nhân mất, quá trình điều tra chỉ xác định 01 vé mất liên 1 của tuyến AD-18P = 20.000 đồng là do Nguyễn Thị M chiếm đoạt, phần còn lại không xác định được nguyên nhân mất nên không thể quy kết là tài sản bị chiếm đoạt. Vì vậy, số tiền thu phí thăm quan danh lam thắng cảnh mà Nguyễn Thị M đã tham ô là 398.305.000 đồng *(ba trăm chín mươi tám triệu ba trăm linh năm nghìn đồng).*

Ngoài số tiền thu phí xác định được do Nguyễn Thị M tham ô, còn các vé mất liên 1 là 21 vé = 915.000 đồng và các vé mất cả hai liên là 84 vé = 2.225.000 đồng chưa xác định được nguyên nhân mất, do đó, không xác định được các vé này đã được bán hay chưa, Nguyễn Thị M có chiếm đoạt số tiền bán vé của các vé này hay không. Tuy nhiên, các vé nói trên chưa được xuất ra khỏi kho nhưng đã bị mất, nên xác định việc mất vé là do hành vi thiếu trách nhiệm của bị can Nguyễn Phương C trong công tác quản lý kho lưu trữ gây ra.

Đối với quyển vé số 40, tuyến H, ký hiệu LH-19P đã bán và nộp vào ngân sách ngày 22/6/2020 số lượng 63 vé (3901-3963) = 4.275.000 đồng, quá trình điều tra xác định số tiền tương ứng với 63 vé của tuyến này là 4.725.000 đồng, nộp thiếu 450.000 đồng, việc nộp thiếu như trên là sai sót trong quá trình đối chiếu và lập phiếu nộp tiền vào tài khoản, thực tế M thu từ trạm vé là 4.725.000 đồng, do vậy cần trích nộp khoản tiền còn thiếu từ số tiền 420.000.0000 đồng khắc phục hậu quả vào ngân sách nhà nước.

Đối với quyển vé số 71, 72 của tuyến S - Tả - S, ký hiệu LT-18P đã được bán và nộp vào ngân sách nhà nước, tuy nhiên trong quá trình sửa chữa vé, do không nhớ các quyển này đã được nộp vào ngân sách mà nghĩ bản thân đã sử dụng tiền bán vé của các quyển này, bị can Nguyễn Thị M đã sửa các quyển vé khác thành cuống vé của quyển 71, 72 nói trên (quyển giả) và nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 600.000 đồng để che giấu hành vi chiếm đoạt tiền bán vé của mình.

Đối với Nguyễn Phương C, bản thân đã thực hiện không hết các nhiệm vụ được giao trong công tác thủ kho ấn chỉ vé, tạo sơ hở để Nguyễn Thị M lợi dụng thực hiện hành vi tham ô tài sản, cụ thể: Mỗi khi thực hiện làm thủ tục xuất kho vé, Nguyễn Phương C có nhiệm vụ đóng dấu của phòng Văn hóa và Thông tin vào từng tờ vé và bìa của các quyển vé sau đó sẽ lập phiếu xuất kho rồi giao cho Nguyễn

Thị M, nhưng Chi không thực hiện việc đóng dấu mà giao lại cho Nguyễn Thị M và Vàng Thị H là nhân viên hợp đồng lao động của phòng Văn hóa và Thông tin thị xã S được tăng cường làm công tác văn thư) trực tiếp đóng dấu vào ấn chỉ vé, không lập phiếu xuất kho mà chỉ ghi sổ theo dõi xuất vé, trong sổ không có chữ ký đối chứng của bên giao và bên nhận; Một số lần khi mở hòm vé giao nhận vé mới cho Nguyễn Thị M đã không khoá hòm vé lại mà chỉ móc khoá vào hòm; Sau khi giao, nhận vé và cuống vé, Chi khoá hòm vé nhưng không cất giữ chìa khóa cẩn thận mà để trực tiếp trên mặt bàn hoặc trong ngăn bàn làm việc của mình tại phòng Văn hoá và Thông tin, tạo sơ hở để người khác có cơ hội tiếp cận và lấy vé hoặc cuống vé sử dụng cho mục đích cá nhân (bán, sửa chữa, cắt ghép hoặc trà trộn vé đã sửa chữa, cắt ghép,…); Khi nhận lại các cuống vé để nhập vào kho lưu trữ, C có trách nhiệm kiểm đếm lại số lượng các quyển cuống vé, từng tờ cuống vé rồi ghi chép vào sổ theo dõi và cất vào hòm lưu trữ, nhưng C không thực hiện việc kiểm đếm số lượng thực tế từng quyển cuống vé, từng tờ cuống vé của mỗi quyển mà chỉ dựa vào lời nói của Nguyễn Thị M, rồi nhập lại số liệu vào trong sổ và cất vào hòm lưu trữ, dẫn đến không phát hiện các quyển vé có bị thiếu hay không, có bị sửa chữa, cắt ghép hay không. Sau khi vụ viêc bị phát hiện, Nguyễn Phương C tiến hành hoàn thiện các chứng từ xuất kho và các sổ theo dõi nên một số phiếu xuất kho không có xác nhận của Lãnh đạo phòng Văn hoá và Thông tin và kế toán ấn chỉ, trong sổ theo dõi xuất vé có nhiều chữ ký của M do bị can C tự ý ký và sửa chữa nội dung.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị M khai nhận trong số các khoản vay không đòi được tiền có số tiền cho Nguyễn Phương C vay và Chi biết rõ đây là tiền bán vé thăm quan danh lam thắng cảnh, C cũng là người thông tin cho M biết về việc bàn giao công tác bán vé sang Ban di tích thị xã S và cả hai cùng nhau bàn bạc về việc sửa chữa các cuống vé để chiếm đoạt số tiền bán vé đã sử dụng, bản thân C không tham gia việc sửa chữa vé với M nhưng là người đưa các quyển vé mới cho M sửa và là người nhận các quyển vé đã sửa chữa để cho vào kho lưu trữ; tuy nhiên Nguyễn Phương C không thừa nhận nội dung như Nguyễn Thị M khai. Về việc vay mượn, Nguyễn Phương C thừa nhận trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2020, C có vay mượn của M một số tiền khoảng 15 đến 20 triệu đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân, tuy nhiên C đã trả lại hết số tiền trên và không biết nguồn gốc số tiền M cho vay là từ đâu mà có. Về việc đưa các quyển vé mới cho M và nhận các quyển vé đã sửa chữa để cho vào kho lưu trữ, Nguyễn Phương C khai không biết M dùng cách nào để lấy vé mới và đưa các vé sửa chữa, cắt ghép vào hòm lưu trữ.

Bản cáo trạng số 12/CT-VKS-SP ngày 18/3/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã S truy tố các bị cáo Nguyễn Thị M về tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo Nguyễn

Phương C về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội "Tham ô tài sản", bị cáo Nguyễn Phương C phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

- Áp dụng Điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 353; Điều 38; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS phạt bị cáo Nguyễn Thị M từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù giam, thời hạn thi hành án tính từ ngày bị cáo đến thi hành án, khấu trừ cho bị cáo thời hạn tạm giam từ ngày 21/7/2023 đến ngày 07/02/2024; Phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 30.000.000 đồng.

- Áp dụng Điểm d khoản 1, khoản 4 Điều 360; Điều 65; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS phạt bị cáo Nguyễn Phương C từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm đến 05 năm; Phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm công tác văn thư, thủ kho trong thời hạn 02 năm.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

+ Tịch thu tiêu hủy đối với 01 (một) cuộn băng dính màu trắng trong suốt; 01 (một) lọ keo khô màu đỏ, vàng, xanh; 02 (hai) quyển sổ kích thước 19,5cm x 6,5cm có bìa màu hồng, bên trong mỗi quyển có 95 (chín mười lăm) tờ giấy trắng.

+ Tịch thu sung công quỹ đối với số tiền 600.000 (sáu trăm nghìn đồng) bị cáo Nguyễn Thị M nộp dư vào ngân sách nhà nước, hiện số tiền đã nằm trong ngân sách nhà nước.

+ Truy thu số tiền 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) nộp thiếu cho 63 vé của quyển số 40, tuyến H, ký hiệu LH-19P từ số tiền còn lại sau khi bị cáo Nguyễn Thị M khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra.

+ Số tiền còn lại của bị cáo Nguyễn Thị M sau khi khắc phục hậu quả là 21.695.000 đồng, đề nghị khấu trừ vào phần hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ Trả lại cho Phòng văn hoá thông tin thị xã S toàn bộ các vé tham quan du lịch gồm các tuyến L, tuyến S, tuyến H, tuyến T (theo biên bản kiểm kê và bảng kê chi tiết vé lập ngày 07/3/2023 kết thúc ngày 15/3/2023), được niêm phong trong 06 (sáu) hòm kim loại có nắp đậy.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo đối với các bị cáo, bị hai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Hai bị cáo Nguyễn Thị M và Nguyễn Phương C đồng ý với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã S đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện bị hại: Uỷ ban nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai có ý kiến hai bị cáo Nguyễn Thị M và Nguyễn Phương C đều là người có nhân thân tốt, trong quá trình công tác được lãnh đạo cơ quan trực tiếp quản lý đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, sau khi phạm tội đã ăn năn hối cải tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng Văn hoá và thông tin thị xã S đề nghị được trả lại 06 hòm kim loại đã bị tạm giữ và các vé đã được niêm phong trong 06 hòm kim loại trên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa hôm nay hai bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Phương C thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện, đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai đã truy tố và đúng với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của nhưng người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy đủ cơ sở kết luận trong khoảng thời gian từ tháng 01/2020 đến hết tháng 5/2020, Nguyễn Thị M là nhân viên hợp đồng của phòng Văn hoá và thông tin thị xã S đã lợi dụng sự quản lý không chặt chẽ và quyền hạn được lãnh đạo phòng Văn hoá và thông tin thị xã S giao trực tiếp quản lý việc thu, nộp tiền bán vé thăm quan danh lam, thắng cảnh trên địa bàn thị xã S, bị cáo M đã sửa chữa, cắt dán các quyển vé đã bán thành chưa bán để chiếm đoạt số tiền thu phí thăm quan danh lam, thắng cảnh là 398.305.000 đồng, đã cấu thành tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 353 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo Nguyễn Thị M còn khai trong số tiền 398.305.000 đồng, M cho Nguyễn Phương C vay nhiều lần tổng cộng khoảng 150.000.000 đồng, C biết rõ đây là tiền bán vé thăm quan danh lam thắng cảnh, khi biết chuẩn bị bàn giao công tác bán vé từ phòng Văn Hoá và thông tin sang Ban di tích thị xã S, C bàn bạc với M về việc sửa chữa các cuống vé để chiếm đoạt số tiền bán vé đã sử dụng và C là người đưa các quyển vé mới cho M sửa rồi nhận các quyển vé M đã sửa chữa để cho vào kho lưu trữ; nhưng Nguyễn Phương C không thừa nhận lời khai của Nguyễn Thị M. Nguyễn Phương C khai không biết M dùng cách nào để lấy vé mới và đưa các đã vé sửa chữa, cắt ghép vào hòm lưu trữ. Ngoài lời khai của Nguyễn Thị M ra không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh, nên không có căn cứ để khởi tố, truy tố, xét xử Nguyễn Phương C đồng phạm với Nguyễn Thị M về tội "Tham ô tài sản". Mà chỉ có căn cứ khẳng định Nguyễn Phương C là viên chức

của phòng Văn hoá và thông tin thị xã S được lãnh đạo giao nhiệm vụ thủ kho ấn chỉ vé và quản lý con dấu, đã thực hiện không đúng nhiệm vụ quản lý dấu cơ quan, để người khác tự ý đóng dấu vào các quyển vé chưa xuất kho và không thực hiện đúng thủ tục xuất kho vé cho Nguyễn Thị M, lơ là trong việc quản lý chìa khoá hòm đựng ấn chỉ vé, ký khống chữ ký của Nguyễn Thị M trong phiếu xuất kho và sổ theo dõi, không kiểm đếm cuống vé khi nhận bàn giao từ M sau khi đã bán, không theo dõi chặt chẽ số lượng vé đã xuất kho tạo sơ hở để bị cáo M thực hiện hành vi tham ô số tiền thu phí thăm quan danh lam, thắng cảnh trên địa bàn S là 398.305.000 đồng đã cấu thành tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, xâm phạm đến tài sản của nhà nước, gây mất trật tự, trị an tại đia phương. Nên cần đưa vụ án ra xét xử nghiêm minh trước pháp luật, mới phát huy được tác dụng giáo riêng và răn đe phòng chống tội phạm, nhất là tội phạm về tham nhũng mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đang từng bước đẩy lùi.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị M là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu biết về xã hội và pháp luật, nhưng do lòng tham đã chiếm đoạt số tiền có giá trị lớn của nhà nước, phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, nên cần quyết định mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi của bị cáo đã thực hiện và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới đủ điều kiện giáo dục cải tạo bị cáo. Xong cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo M không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì bị cáo thành khẩn khai báo và đã khắc phục toàn bộ hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra, có ông nội được tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba, Huy chương chiến thắng hạng nhì, tại phiên toà đại diện bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Phương C có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, trong quá trình công tác được lãnh đạo cơ quan nhận xét luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, sau khi phạm tội đã ăn năm hối cải, thành khẩn khai báo và có ông ngoại được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì và tại phiên toà đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Không cần cách ly bị cáo Chi ra khỏi đời sống xã hội, vẫn đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Thị M sau khi phạm tội đã bị sa thải lao động, bị cáo C hiện đang công tác tại phòng Văn hoá và thông tin thị xã S. Do số tiền bị cáo M chiếm đoạt có số lượng lớn, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo M và cấm đảm nhiệm công tác văn thư, thủ kho đối với cáo Nguyễn Phương C trong một thời hạn nhất định.

[4] Về xử lý vật chứng gồm: Các quyển sổ theo dõi xuất vé, theo dõi phiếu xuất kho vé, theo dõi thu vé các tuyến ... đã được lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Còn 01 cuộn băng dính màu trắng trong suốt; 01 lọ keo khô màu đỏ, vàng,

xanh; 02 quyển sổ kích thước 19,5cm x 6,5cm có bìa màu hồng bên trong mỗi quyển sổ có 95 tờ giấy trắng, bị cáo M sử dụng để cắt, dán, ghép vé, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu huỷ; số tiền 600.000 đồng là tiền bị cáo M nộp vào ngân sách nhà nước để nhằm che giấu hành vi phạm tội của mình, nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Số tiền 450.000.000 đồng do bị cáo M nộp thiếu tại 63 vé của quyển số 40, tuyến H, nên cần truy thu của bị cáo M nộp ngân sách nhà nước; 06 hòm kim loại có nắp đậy thiết kế móc cài vào khuy ngắn cố định tại các hòm, các khuy được khoá bằng loại khoá Việt Tiệp màu đen, các hòm kích thước lần lượt như sau: 01 hòm 78 cm x 45cm x 45cm; 01 hòm 75cm x 44cm x 33cm; 01 hòm 67cm x 42cm x 31 cm; 03 hòm 62cm x 30cm x 40cm; bên trong đựng ấn chỉ vé gồm các tuyến L, S, H, T (theo biên bản kiểm kê và bảng kê chi tiết vé lập từ ngày 07/3/2023 kết thúc ngày 15/3/2023) là tài sản thuộc quyền sở hữu của phòng Văn hoá và thông tin thị xã S, tỉnh Lào Cai. Cần tuyên trả lại cho chủ sở hữu.

[5] Những vấn đề liên quan đến vụ án:

Đối với bà Hoàng Thị V, quá trình điều tra xác định: Bà Hoàng Thị V là trưởng phòng Văn hoá và Thông tin thị xã S, thiếu trách nhiệm trong công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện nhiệm vụ trong công tác của các cán bộ, nhân viên Phòng Văn hoá và Thông tin, dẫn đến nhân viên Nguyễn Thị M thực hiện hành vi tham ô tài sản, công chức Nguyễn Phương C thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Chỉ đạo Nguyễn Phương C thực hiện công tác lập phiếu xuất kho khi bàn giao vé cho Nguyễn Thị M, hoàn thiện các chứng từ thiếu chữ ký, kiểm tra thực tế các vé và cuống vé trong kho nhưng C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, bà V biết nhưng cũng không có biện pháp chỉ đạo đôn đốc kịp thời. Quá trình phân công nhiệm vụ thu phí không có cơ chế kiểm soát rõ ràng đối với vị trí được giữ tiền của Nguyễn Thị M. Thấy rằng, bà Hoàng Thị V là Trưởng phòng văn hoá thông tin thị xã S là khu du lịch, khối lượng công việc rất lớn, việc giao nhiệm vụ tổ chức bán vé thăm quan danh lam thắng cảnh cho Phòng văn hoá thông tin chưa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị. Bản thân bà V không có nghiệp vụ về quản lý kinh tế, không có yếu tố vụ lợi, sau khi phát hiện có vi phạm trong quản lý tiền bán vé đã có biện pháp tích cực thu hồi tài sản bị chiếm đoạt và kịp thời báo cáo cấp trên để xử lý theo đúng quy định. Quá trình công tác, bà V có nhiều thành tích, đóng góp cho việc phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Do đó không cần thiết phải xử lý về hình sự đối về hành vi thiếu trách nhiệm của bà Hoàng Thị V. Mà xử lý bà Hoàng Thị V theo quy định của Đảng, Nhà nước là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với bà Nguyễn Thị H: Quá trình thực hiện nhiệm vụ bà H không tiến hành lập và lưu trữ các chứng từ kế toán chứng minh các thông tin số liệu ghi trên

số tiền gửi ngân hàng, kho bạc đối với tiền thu được trong quá trình bán vé của các tuyến tham quan danh lam thắng cảnh thị xã Sa (các phiếu xuất kho, nhập kho cuống vé để lưu trữ) do nhiệm vụ này được trưởng phòng là bà Hoàng Thị V giao cho Nguyễn Phương C thực hiện, bà Nguyễn Thị H biết việc giao nhiệm vụ như trên của bà V là không đúng với quy định của Luật kế toán nhưng không tham mưu cho lãnh đạo thực hiện đúng quy định. Do đó, bà H không nắm bắt được số lượng vé xuất kho và số cuống vé là chứng từ kế toán được lưu trữ trong kho là bao nhiêu, thiếu đi một bước kiểm soát việc bán vé, tạo sơ hở để Nguyễn Thị M thực hiện hành vi phạm tội. Xét thấy, Nguyễn Thị H chưa thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của kế toán, tuy nhiên do không được lãnh đạo giao nhiệm vụ và bà H mới nhận công tác tại Phòng văn hoá thông tin thị xã S từ 01/01/2020, là người trực tiếp phát hiện hành vi phạm tội và đã báo cáo lãnh đạo đơn vị kịp thời để xử lý theo đúng quy định, thu hồi toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt. Nên không cần thiết phải xử lý hình sự đối với hành vi của Nguyễn Thị H.

Đối với bà Phạm Thị H là mẹ đẻ của Nguyễn Thị M vay Mai số tiền 120.000.000 đồng để sử dụng. Khi vay tiền của Mai, bà Hạnh không biết đó là số tiền do phạm tội mà có. Nên không xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội "Tham ô tài sản". Bị cáo Nguyễn Phương C phạm tội " Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Hình phạt:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 07 (bẩy) 06 (sáu) tháng tù, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 21/7/2023 đến ngày 07/02/2024.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360; khoản 1,2,5 Điều 65; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt các bị cáo Nguyễn Phương C 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Phương C cho Uỷ ban nhân dân phường H, thị xã S, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì có thể quyết

định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

2.2. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Nguyễn Thị M số tiền 30.000.000đ *(ba mươi triệu đồng)* nộp ngân sách nhà nước. Xác nhận bị cáo M đã nộp số tiền 21.695.000 đồng trong ngân sách nhà nước, bị cáo M còn phải nộp số tiền là 8.305.000đ *(tám triệu ba trăm linh năm nghìn đồng)*

Áp dụng khoản 4 Điều 360 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Phương C cấm đảm nhiệm công việc Văn Thư, Thủ kho trong thời hạn là 02 năm.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 cuộn băng dính màu trắng trong suốt, 01 lọ keo khô màu đỏ, vàng, xanh; 02 quyển sổ kích thước 19,5cm x 6,5cm có bìa màu hồng bên trong mỗi quyển sổ có 95 tờ giấy trắng.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 600.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thị M (Hiện số tiền trên đã nằm trong ngân sách nhà nước).

Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị M nộp ngân sách nhà nước Số tiền 450.000 đồng do bị cáo M nộp thiếu tại 63 vé của quyển số 40, tuyến H.

Trả lại 06 hòm kim loại có nắp đậy thiết kế móc cài vào khuy ngắn cố định tại các hòm, các khuy được khoá bằng loại khoá Việt Tiệp màu đen, các hòm kích thước lần lượt như sau: 01 hòm 78 cm x 45cm x 45cm; 01 hòm 75cm x 44cm x 33cm; 01 hòm 67cm x 42cm x 31 cm; 03 hòm 62cm x 30cm x 40cm; bên trong đựng ấn chỉ vé gồm các tuyến L, S, H, T (theo biên bản kiểm kê và bảng kê chi tiết vé lập từ ngày 07/3/2023 kết thúc ngày 15/3/2023) cho phòng Văn hoá và thông tin thị xã S, tỉnh Lào Cai.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án buộc hai bị cáo Nguyễn Thị M và Nguyễn Phương C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đ *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND thị xã Sa Pa.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- CQCSĐT Công an thị xã;
- CQTHAHS Công an thị xã;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- THADS thị xã S;
- HSTHA;
- Lưu Hồ sơ, TA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đức Quang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Minh Huấn **Sùng A Cở** **Ngô Đức Quang**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND thị xã Sa Pa.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- CQCSĐT Công an thị xã;
- CQTHAHS Công an thị xã;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Các bị cáo;
- THADS thị xã Sa Pa;
- HSTHA;
- Lưu Hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đức Quang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Minh Huấn **Sùng A Cở** **Ngô Đức Quang**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND thị xã Sa Pa.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- CQCSĐT Công an thị xã;
- CQTHAHS Công an thị xã;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Các bị cáo;
- THADS thị xã Sa Pa;
- HSTHA;
- Lưu Hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đức Quang